

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC Kéo dài sang năm 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh, bổ sung								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước được phép kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026				
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST		
I	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.026,00	2.026,00	-	11,37	11,37	-	-	11,37	-	-	-	11,37	-	-	2.014,63	2.014,63	-	-	-	-		
	Phòng Kinh tế xã	2.026,00	2.026,00		11,37	11,37	-		11,37				11,37		-	2.014,63	2.014,63	-	-	-	-		
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	9.352,00	8.882,00	470,00	279,54	267,87	11,67	4.064,88	253,51	500,00	-	4.064,88	253,51	500,00	-	13.663,37	12.693,37	970,00	4.590,92	4.079,24	511,67		
	Phòng Kinh tế xã	9.352,00	8.882,00	470,00	279,54	267,87	11,67		253,51		-		253,51		-	9.098,49	8.628,49	470,00	26,04	14,37	11,67		
	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã							4.064,88		500,00	-	4.064,88		500,00	-	4.564,88	4.064,88	500,00	4.564,88	4.064,88	500,00		
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	161,89	161,89	-	-	-	-	-	-	-	-	2,95	-	-	-	161,89	161,89	-	2,95	2,95	-	-	
	Phòng Kinh tế xã	161,89	161,89				-					2,95			-	161,89	161,89	-	2,95	2,95	-		
	TỔNG CỘNG	11.539,89	11.069,89	470,00	290,92	279,24	11,67	4.064,88	264,88	500,00	-	4.067,83	264,88	500,00	-	15.839,89	14.869,89	970,00	4.593,87	4.082,19	511,67	-	

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngok Tu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026							Điều chỉnh, bổ sung								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú		
			Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước được phép kéo dài sang năm 2026				Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026					
				Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		NSTW		NST		NSTW		NST			Tổng vốn	Trong đó:	NSTW	NST					
					NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm										
I	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.400,00	2.026,00	2.026,00	-	11,37	11,37	-	-	11,37	-	-	-	11,37	-	-	2.400,00	2.014,63	2.014,63	-	-	-	-	-	-	
	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Pung, xã Đắk Rơ Ngá	Phòng Kinh tế xã	2.400,00	2.026,00	2.026,00		11,37	11,37	-		11,37				11,37		-	2.400,00	2.014,63	2.014,63	-	-	-	-	-	-	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		10.400	9.352,00	8.882,00	470,00	279,54	267,87	11,67	4.064,88	253,51	500,00	-	4.064,88	253,51	500,00	-	15.282,00	13.663,37	12.693,37	970,00	4.590,92	4.079,24	511,67			
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Đắk Rơ Ngá; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Phòng Kinh tế xã	2.350,00	2.150,00	2.150,00		110,61	110,61	-		98,99				98,99		-	2.350,00	2.051,01	2.051,01	-	11,62	11,62	-			
2	Đường nội đồng thôn Đắk No (đoạn từ nhà ông Lê Văn Lai đến ruộng ông A Phưong)	Phòng Kinh tế xã	490,00	444,00	404,00	40,00	26,58	26,58	-		26,58				26,58		-	490,00	417,42	377,42	40,00	-	-	-	-	-	
3	Đường đi sản xuất thôn Đắk Nu, Đắk Tăng (Đoạn từ trạm y tế đến rẫy ông A Bem)	Phòng Kinh tế xã	1.500,00	1.360,00	1.250,00	110,00	11,66	11,63	0,03		11,63				11,63			1.500,00	1.348,37	1.238,37	110,00	0,03	-	0,03			
4	Bê tông hóa đường nội thôn Đắk Chờ (Đoạn từ nhà ông A Hjan đến A Chắc)	Phòng Kinh tế xã	220,00	200,00	200,00		11,24	11,24			11,24				11,24			220,00	188,76	188,76	-	-	-	-	-	-	
5	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Nu (đoạn từ rẫy ông A Pheh đến A Théo)	Phòng Kinh tế xã	1.100,00	980,00	900,00	80,00	6,71	6,71			6,71				6,71			1.100,00	973,29	893,29	80,00	-	-	-	-	-	
6	Đường thôn Đắk Chờ (đoạn nhà máy nước)	Phòng Kinh tế xã	1.430,00	1.302,00	1.202,00	100,00	17,52	5,88	11,64		5,88				5,88			1.430,00	1.296,12	1.196,12	100,00	11,64	-	11,64			
7	Đường nội đồng thôn Đắk Nu (đoạn từ nhà ông A Dim đến ruộng ông A Thun)	Phòng Kinh tế xã	490,00	401,00	401,00		28,98	28,98			28,98				28,98			490,00	372,02	372,02	-	-	-	-	-	-	
8	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Mạnh II (Từ đất nhà bà Y Đường đến đất nhà ông A Nào)	Phòng Kinh tế xã	980,00	890,00	820,00	70,00	3,87	3,87			3,87				3,87			980,00	886,13	816,13	70,00	-	-	-	-	-	
9	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Mạnh II (từ đất ông A Kẩn đến đất ông A Lái)	Phòng Kinh tế xã	1.040,00	914,00	844,00	70,00	5,78	5,78			5,78				5,78			1.040,00	908,22	838,22	70,00	-	-	-	-	-	
10	Đường GTNT thôn Đắk Dé (từ đất Ông A Thọ đến đất Ông A Công)	Phòng Kinh tế xã	240,00	211,00	211,00		11,69	11,69			11,69				11,69			240,00	199,31	199,31	-	-	-	-	-	-	
11	Đường GTNT thôn Đắk Dé (từ đường DH53 đến đất ông A Xương)	Phòng Kinh tế xã	315,00	279,00	279,00		24,74	24,74			23,20				23,20			315,00	255,80	255,80	-	1,53	1,53	-	-	-	

12	Đường GTNT thôn Đắk Mạnh I (từ đất bà Y Niu đến đất bà Y Bung)	Phòng Kinh tế xã	245,00	221,00	221,00		20,17	20,17			18,96				18,96			245,00	202,04	202,04	-	1,21	1,21	-	
13	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Chờ (đoạn qua suối Đắk Sai)	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã								1.800,00		250,00		1.800,00		250,00		2.152,00	2.050,00	1.800,00	250,00	2.050,00	1.800,00	250,00	Bổ sung
14	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Pung (đoạn dốc đá)	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã								2.000,00		150,00		2.000,00		150,00		2.258,00	2.150,00	2.000,00	150,00	2.150,00	2.000,00	150,00	Bổ sung
15	Đường đi vào nghĩa địa thôn Đắk Chờ	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã								264,88		100,00		264,88		100,00		472,00	364,88	264,88	100,00	364,88	264,88	100,00	Bổ sung
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		178,00	161,89	161,89	-	-	-	-	-	-	-	-	2,95	-	-	-	178,00	161,89	161,89	-	2,95	2,95	-	-
1	Khu thể thao Đắk Tăng, xã Ngok Tụ	Phòng Kinh tế xã	178,00	161,89	161,89				-					2,95			-	178,00	161,89	161,89	-	2,95	2,95	-	
	TỔNG CỘNG		12.978,00	11.539,89	11.069,89	470,00	290,92	279,24	11,67	4.064,88	264,88	500,00	-	4.067,83	264,88	500,00	-	17.860,00	15.839,89	14.869,89	970,00	4.593,87	4.082,19	511,67	-